

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2019/HSST
Ngày 13-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

Ông Lục Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2019/TL - HSST ngày 08 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Đ (tên gọi khác: Trần T), sinh năm 1974 tại tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; cha tên: Lê T, sinh năm 1927 (đã chết), mẹ tên: Nguyễn T, sinh năm 1927 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Ngày 29/12/1994, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm xử phạt 07 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Ngày 03/6/1995, Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 12/10/1999, nộp xong tiền án phí phúc thẩm 50.000 đồng, chưa chấp hành bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 2.705.000 đồng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 60, khoản 3 Điều 70, khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự, bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

Ngày 02/04/2001, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo chấp hành xong

hình phạt ngày 01/12/2006, chưa chấp hành án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 3.950.000 đồng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 60, khoản 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự, bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp vào ngày 21/12/2018, chuyển tạm giam từ ngày 28/12/2018 cho đến nay.

- Bị hại: Anh Nguyễn N, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 5, xã G, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp 5, xã G, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn K, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 16, đường số 12, khu phố 16, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn M, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Khu phố C, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đ không có nghề nghiệp ổn định. Năm 2016, khi làm phụ hồ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đ được bạn làm cùng (không rõ nhân thân, địa chỉ) nhất được và cho Đức 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần T, sinh năm 1976, địa chỉ: Xã A, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Đ lấy ảnh của Đ dán vào Chứng minh nhân dân và sử dụng làm Chứng minh nhân dân của Đ, Đ lấy tên là T.

Tháng 3/2018, Đ đến Bình Dương làm việc, Đ sử dụng Chứng minh nhân dân trên để đăng ký tạm trú tại nhà trọ Trương T thuộc ấp L, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương và đi làm phụ hồ. Tại đây, Đ quen ông Nguyễn T và anh Nguyễn N - Anh N là con ông T. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11/2018 đến đầu tháng 12/2018, Đ không có việc làm, không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định mượn tiền của ông T và chiếm đoạt tiền đi nơi khác sinh sống. Thực hiện ý định, ngày 4/12/2018, Đ đến nhà ông T giả vờ hỏi mượn 5.000.000 đồng đi Đắc Nông mua thịt heo rừng về bán, ông T đồng ý, nhưng do chưa có tiền nên ông Trùng hẹn Đ chiều ngày 05/12/2018, khi anh N lãnh lương sẽ nói anh N cho Đ mượn.

Khoảng 17 giờ ngày 05/12/2018, Đ đến nhà ông T và đợi anh N đi làm về. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17 về đến nhà, lúc này Đ hỏi mượn anh N 5.000.000 đồng để

đi Đắc Nông mua thịt heo rừng, anh N đồng ý và đã đưa cho Đ 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ anh N, Đ nhìn thấy xe mô tô Sirius biển số 66F1-444.17 của anh N nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh N. Đ giả vờ nói với anh N xe của Đ yếu nên không đi Đắc Nông được và đề nghị anh N cho mượn xe để đi, anh N đồng ý. Để anh N không nghi ngờ, Đ để lại xe mô tô biển số 59N1-014.90 của Đ ở nhà ông T để làm tin và Đ lấy xe mô tô biển số 66F1-444.17 của anh N đi. Lúc này, ông T xin Đ cho đi cùng lên Đắc Nông, Đ đồng ý.

Đến 07 giờ 30 phút ngày 06/12/2018, Đ điều khiển xe mô tô biển số 66F1-444.17 đến nhà ông T để mượn giấy tờ xe, Đ nói dối mượn giấy tờ xe để đi đường không sợ Công an bắt, tin tưởng nên ông T đã giao giấy tờ xe cùng Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn T cho Đ, lúc này ông T kêu Đ chạy xe ra tiệm sửa xe kiểm tra xe rồi cùng đi. Sau khi lấy được xe và giấy tờ, Đ điều khiển xe đến cửa hàng mua xe máy cũ của anh Nguyễn M, tự nói mình tên Trúng và muốn bán xe mô tô biển số 66F1-444.17 cho anh M. Anh M và Đ thống nhất giá mua bán xe là 8.800.000 đồng, anh M đã giao đủ tiền cho Đ, số tiền này Đ tiêu xài cá nhân, còn anh Mai, sau khi mua xe, anh Mai đã bán cho người khác không rõ họ tên, địa chỉ với giá 9.500.000 đồng.

Đối với ông T, sau khi giao giấy tờ xe cho Đ, ông T đứng đợi Đ chở đi Đắc Nông, nhưng không thấy Đ quay lại, nên gọi điện thoại cho Đ, Đ hẹn ông T ngày 07/12/2018 gặp nhau tại cây xăng Bảo Long thuộc ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương để cùng đi Đắc Nông. Đến ngày 07/12/2018, khi gặp nhau tại cây xăng Bảo Long, ông T không thấy xe của Đ đâu nên hỏi Đ, Đ nói đưa xe cho vợ Đ mượn đi chợ. Lúc này, Đ giả vờ nói với ông T đưa xe mô tô biển số 59N1-014.90 cho Đ đi mua thuốc lá, ông T đồng ý. Sau khi lấy lại được xe, Đ bỏ trốn, đến ngày 21/12/2018 thì bị Câu lạc bộ phòng chống tội phạm H phát hiện, bắt giữ giao cho Công an xã T, thị xã C và chuyển cho Công an thị xã C xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 25/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17, đã qua sử dụng trị giá 20.000.000 đồng.

Tài sản thu giữ đã xử lý trả cho bị cáo Đ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Mobell, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile.

Tài sản hiện còn thu giữ: 01 chứng minh nhân dân số 331352718 do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/8/2013 mang tên Trần T, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59N1-014.90, số khung: RLCS5C630AY408626, số máy: 5C63-408673 (xe không gương bên phải, trầy xước).

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương;

- Bị cáo Đức thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của anh N là 01 mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17, đã qua sử dụng và số tiền 5.000.000 đồng.

- Bị hại anh Nguyễn N khai nhận: Tài sản anh bị bị cáo Đ chiếm đoạt là 01 x mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17, đã qua sử dụng và số tiền 5.000.000 đồng. Anh yêu cầu bị cáo Đ trả lại cho anh mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17, đã qua sử dụng và số tiền 5.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn T khai nhận: Giữa ông và Đ là bạn bè, vào ngày 05/12/2018 Đức chiếm đoạt của anh N số tiền 5.000.000 đồng và 01 mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17. Ngoài ra, ông còn đưa cho Đ 01 Chứng minh nhân dân mang tên của ông. Nay ông không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn K khai nhận: Năm 2010, anh có mua và đứng tên Giấy đăng ký xe đối với xe mô tô biển số 59N1-014.90. Đến năm 2012, anh đã bán xe mô tô này cho người đàn ông không rõ họ tên địa chỉ với giá 12.500.000 đồng, khi bán có lập giấy ủy quyền, nhưng hiện anh không còn lưu giữ. Nay trong vụ án này anh không có yêu cầu gì đối với xe mô tô nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn M khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 06/12/2018, Đ đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh tại địa chỉ: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương tự xưng tên là Nguyễn T và đề nghị bán 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17 cho anh, Đức có cung cấp cho anh Chứng minh nhân dân và Giấy tờ đăng ký xe mô tô; anh đồng ý mua xe với giá 8.800.000 đồng, số tiền này anh đã giao đủ cho Đ. Khi mua xe, anh hoàn toàn không biết xe do Đ lừa đảo chiếm đoạt của anh N. Sau khi mua xe, anh đã bán xe này lại cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ với số tiền là 9.500.000 đồng. Nay trong vụ án này anh không có yêu cầu gì.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số 85/CT – VKSBC ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Hữu Đức về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa;

- Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Đ đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt Lê Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử;

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59N1-014.90, số khung: RLCS5C630AY408626, số máy: 5C63-408673 (xe không gương bên phải, trầy xước).

Tịch thu và tiêu hủy: 01 chứng minh nhân dân số 331352718 do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/8/2013 mang tên Trần T.

Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo Đ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Mobell, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile, trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã C đã trả lại cho bị cáo Đức, nên không đặt ra xử lý.

Buộc bị cáo Đ có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn N số tiền 25.000.000 đồng, trong đó gồm 20.000.000 đồng trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17 và số tiền 5.000.000 đồng.

- Bị cáo Đức thống nhất hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố; thống nhất về tội danh, mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại về tài sản được thể hiện tại Bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đối với Kết luận định giá tài sản ngày 25/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì. Nay về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn N số tiền 25.000.000 đồng.

- Bị hại Nguyễn N: Anh thống nhất với nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đ, thống nhất tội danh, mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại được thể hiện tại Bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Đ. Đối với Kết luận định giá tài sản ngày 25/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì. Nay anh yêu cầu bị cáo Đ bồi thường cho anh số tiền 25.000.000 đồng, trong đó gồm 20.000.000 đồng trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17 và số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội trở lại xã hội, lao động và thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đ khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 05/12/2018, tại ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Đ dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17, đã qua sử dụng trị giá 20.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng của anh Nguyễn N để tiêu xài cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Đ đã phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội được quy định tại điểm khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng với Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính chất: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Xét thấy, cần phải xử phạt bị cáo với mức án tù, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Xét mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Đ có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn N số tiền 25.000.000 đồng, trong đó gồm 20.000.000 đồng trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17 và số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59N1-014.90, số khung: RLCS5C630AY408626, số máy: 5C63-408673 (xe không gương bên phải, trầy

xước) là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chứng minh nhân dân số 331352718 do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/8/2013 mang tên Trần T, là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu và tiêu hủy.

Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo Đ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Mobell, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile, trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã C đã trả lại cho bị cáo Đức, nên không đặt ra xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Đ phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2018.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Lê Hữu Đức có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn N số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, trong đó gồm 20.000.000 đồng trị giá xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 66F1-444.17 và số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn N cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Lê Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59N1-014.90, số khung: RLCS5C630AY408626, số máy: 5C63-408673 (xe không gương bên phải, trầy xước).

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 chứng minh nhân dân số 331352718 do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/8/2013 mang tên Trần T.

- Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo Lê Đ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 điện thoại di động hiệu Mobell, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile, trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an thị xã Bến Cát đã trả lại cho bị cáo Lê Đ, nên không đặt ra xử lý.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2019).

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T, anh Nguyễn K, anh Nguyễn M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- CQĐT CA thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng